TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN XUÂN LỘC** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 98/2019/HNGĐ–ST
Ngày: 19 - 11 - 2019
V/v tranh chấp: *"Ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN LỘC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Nguyệt.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Phạm Quang Nghĩa.
2. Bà Trần Thị Kim Tân.

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Hồ Thị Sương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc:* Bà Nguyễn Thị Kim Huệ – Kiểm sát viên

Ngày 19 tháng 11 năm 2019, tại Hội trường xét xử, Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 124/2019/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2019 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 74/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 69/2019/QĐST-DS ngày 29 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Trần Thị Vân S, sinh năm 1980. (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp P, xã X, thành phố L, tỉnh Đồng Nai.

- *Bị đơn*: Anh Lê T, sinh năm 1979. (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã L, huyện X, tỉnh Đồng Nai.

- *Người làm chứng*: Ông Hoàng G, sinh năm 1968; Địa chỉ: ấp T, xã L, huyện X, tỉnh Đồng Nai. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 22/02/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị Vân S trình bày:

Trên cơ sở tự nguyện, chị Trần Thị Vân S và anh Lê T kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Lang Minh, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai vào ngày 29/01/2018. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống không có hạnh phúc mà thường xảy ra bất hòa, mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, tính tình không hòa hợp, anh T không quan tâm đến gia đình, thường uống

rượu và xúc phạm vợ. Vợ chồng không còn chung sống với nhau từ tháng 06/2018 cho đến nay, mỗi người có cuộc sống riêng, không còn quan tâm đến nhau. Nay chị S yêu cầu được ly hôn với anh T vì mâu thuẫn giữa vợ chồng trầm trọng, không thể hàn gắn được tình cảm.

Vợ chồng không có con chung, không có nợ chung, không có tài sản chung, nên chị S không yêu cầu giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, anh Lê T đều vắng mặt không có lý do, nên không có lời trình bày.

Ý kiến của kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Anh Lê T là bị đơn không chấp hành triệu tập của Tòa án là không thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của đương sự. Về thời hạn chuẩn bị đưa vụ án ra xét xử là chưa bảo đảm theo quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Trần Thị Vân S được ly hôn với anh Lê T. Về con chung, tài sản chung, nợ chung chị S trình bày không có, không yêu cầu nên đề nghị không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về sự vắng mặt của đương sự tại phiên tòa: Anh Lê T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, chị Trần Thị Vân S có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh T, chị S tại phiên tòa.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Vân S và anh Lê T tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 2018, có thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định, nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ

[3] Về yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị Vân S: Chị S khai rằng sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống không có hạnh phúc, thường xảy ra bất hòa, mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh T không quan tâm đến gia đình, thường hay uống rượu và xúc phạm vợ. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 6/2018 cho đến nay, mỗi người có cuộc sống riêng, không còn quan tâm đến nhau. Người làm chứng là ông Hoàng G trình bày anh T thường hay nhậu, sau khi say xỉn thường kiếm chuyện la mắng phá phách trong gia đình. Ông thấy chị S dọn về nhà mẹ ruột sống, không sống chung với anh T từ ngày 29/6/2018 đến nay. Tại biên bản xác minh ngày 05/9/2019, Công xã Lang Minh cung cấp thông tin "*Theo địa phương biết thì vợ chồng anh Lê T và chị Trần Thị Vân S có cãi vả nhau, có mâu thuẫn trong cuộc sống vợ chồng*…". Qua lời trình bày của người làm chứng và thông tin cung cấp từ chính quyền địa phương cho thấy lời trình bày của chị S về việc có mâu thuẫn xảy ra trong cuộc sống vợ chồng do anh T không quan tâm đến gia đình, thường hay uống rượu và chửi vợ là có cơ sở.

Nay chị S yêu cầu được ly hôn với anh T, vì vợ chồng không thể hàn gắn được tình cảm. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhiều lần triệu tập anh T để làm việc, nhưng anh T đều vắng mặt không lý do. Qua đó, cho thấy anh T bỏ mặc, thờ ơ trong quan hệ hôn nhân với chị S. Chị S và anh T sống ly thân, không còn yêu thương, chăm sóc cho nhau, mạnh ai nấy sống. Từ những tình tiết trên, Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, nên chấp nhận cho chị S được ly hôn với anh T.

[4] Về con chung, tài sản chung và nợ chung: chị S khai không có và không yêu cầu giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí: Chị Trần Thị Vân S phải nộp số tiền 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

1. Chấp nhận cho chị Trần Thị Vân S được ly hôn với anh Lê T.

2. Về án phí: Chị Trần Thị Vân S phải nộp 300.000 đồng *(ba trăm ngàn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm. Số tiền 300.000 đồng *(ba trăm ngàn đồng)* tạm ứng án phí chị S nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Lộc theo biên lai thu số 007163 ngày 22/02/2019 được T trừ vào án phí.

Chị Trần Thị Vân S và anh Lê T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Nai
- VKSND tỉnh Đồng Nai
- VKSND huyện Xuân Lộc.
- Chi cục THADS huyện Xuân Lộc.
- UBND xã Lang Minh;
- Các đương sự.
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Nguyệt